

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

HUANG XIAO LONG
(HOÀNG HIỆU LONG)

NGHIÊN CỨU PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN
GIÁN TIẾP TRONG TIẾNG VIỆT
VÀ ĐỐI CHIẾU VỚI TIẾNG HÁN

Chuyên ngành: Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu

Mã số: 9229020.03

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

Hà Nội - 2024

Công trình được hoàn thành tại: Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Nguyễn Thị Phương Thủy

PGS. TS Đào Thị Thanh Lan

Phản biện:

Phản biện:

Phản biện:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia
chấm luận án tiến sĩ họp tại

vào hồi giờ ngày tháng năm 2024

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài: Phát ngôn cầu khiến gián tiếp là một hiện tượng ngôn ngữ rất phổ biến trong cuộc sống hằng ngày. Trong cuộc giao tiếp xuyên văn hóa, chúng ta càng phải lưu ý đến sự khác biệt về văn hóa của hai bên, để tìm hiểu những sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc, tránh khỏi sự chuyển di tiêu cực về ngữ dụng khi thực hiện giao tiếp. Chúng tôi làm luận án này, hy vọng kết quả nghiên cứu có đóng góp cho người học tiếng Việt hoặc tiếng Hán.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

+ Đối tượng nghiên cứu: Những phát ngôn cầu khiến gián tiếp của tiếng Việt và tiếng Hán, gồm hình thức quy ước và phi quy ước.

+ Phạm vi nghiên cứu: Phát ngôn trong tác phẩm văn học và cuộc sống hằng ngày, triển khai việc nghiên cứu ở bình diện cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận án: Mục đích nghiên cứu: Nghiên cứu, miêu tả và tìm ra đặc điểm về phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt, sau đó đối chiếu với tiếng Hán, để tìm ra các nhân tố tạo ra sự giống nhau và khác nhau trong hai ngôn ngữ, nhằm mục đích nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ và công việc dịch thuật, giúp ích người học ngoại ngữ giảm bớt rào cản trong sự giao tiếp giao văn hoá.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Tổng quan các nghiên cứu đã có về vấn đề, xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu cho luận án; Thu thập, khảo sát, miêu tả và phân tích các kiểu phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt, tìm ra đặc điểm và quy luật hoạt động của chúng; - Thu thập, khảo sát, miêu tả và phân tích các kiểu phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong tiếng Hán, tìm ra đặc điểm và quy luật hoạt động của

chúng; Phân loại, miêu tả và phân tích các kiểu phát ngôn cầu khiến gián tiếp tiếng Việt và tiếng Hán, đối chiếu chúng trong hai ngôn ngữ ở bình diện cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng, để rút ra điểm giống nhau và khác nhau ở hai ngôn ngữ.

4. Phương pháp nghiên cứu và tư liệu nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp đối chiếu ngôn ngữ, phương pháp phân tích ngôn cảnh, thủ pháp thống kê.

Tư liệu nghiên cứu: Tư liệu trong các hội thoại xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, được ghi âm bởi người thân và bạn bè; Tư liệu ghi lại những phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong cuộc giao tiếp từ người khác; Những phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong tác phẩm văn học; Những phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong nghiên cứu trước đó.

5. Đóng góp và ý nghĩa của luận án: Bổ sung thêm quan điểm mới mẻ về việc nghiên cứu ngữ dụng của hành động cầu khiến gián tiếp, đóng góp vào việc lĩnh vực nghiên cứu có liên quan, giúp đỡ người sử dụng song ngữ khắc phục hiện tượng hiểu sai lệch về ý nghĩa khi giao tiếp xuyên văn hoá. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng có thể giúp ích việc giảng dạy và biên soạn giáo trình chuyên môn.

6. Bố cục của luận án: Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết liên quan đến đề tài. Chương 2. Khảo sát phát ngôn cầu khiến gián tiếp tiếng Việt. Chương 3. Khảo sát phát ngôn cầu khiến gián tiếp tiếng Hán. Chương 4. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt với tiếng Hán

Chương 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI

1.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1 Tình hình nghiên cứu hành động cầu khiến gián tiếp ở

phương Tây: Nghiên cứu về hành động ngôn từ gián tiếp được triển khai dưới lý thuyết hành động ngôn từ của Austin.

1.1.2 Tình hình nghiên cứu hành động cầu khiến gián tiếp ở Việt Nam:

Học giả Việt Nam triển khai việc nghiên cứu hành động cầu khiến gián tiếp từ góc độ ngữ dụng học.

1.1.3 Tình hình nghiên cứu hành động cầu khiến gián tiếp ở Trung Quốc:

Việc nghiên cứu hành động cầu khiến gián tiếp được triển khai từ góc độ ngữ dụng học.

1.2 Cơ sở lý thuyết của đề tài

1.2.1 Lý thuyết hành động ngôn từ

1.2.1.1 Lý thuyết hành động ngôn từ của J.L.Austin: Khi nêu ra một phát ngôn thì là thực hiện ba hành động ngôn từ như: hành động tạo ngôn, hành động ngôn trung và hành động dụng ngôn.

1.2.1.2 Lý thuyết hành động ngôn từ của Searle: Phân loại hành động ngôn từ như: hành động tạo phát ngôn, hành động tạo mệnh đề, hành động ngôn trung, hành động dụng ngôn và phân biệt hành động ngôn từ trực tiếp với gián tiếp.

1.2.2 Lý luận về hành động ngôn từ gián tiếp

1.2.2.1 Hành động ngôn từ trực tiếp (hiển ngôn) : Là ý nghĩa trong phát ngôn được biểu thị một cách trực tiếp bằng ngôn từ ở lời hoặc ngữ cảnh.

1.2.2.2 Hành động ngôn từ gián tiếp (hàm ngôn): Cũng là một loại hành động nói, nhưng thông tin hàm ẩn nằm sau ngôn từ được suy ra sau khi thao tác suy ý dựa vào ngôn từ.

1.2.3 Cầu khiến và phát ngôn cầu khiến

1.2.3.1 Khái niệm của hành động cầu khiến / phát ngôn cầu khiến

-. Khái niệm của hành động cầu khiến/ phát ngôn cầu khiến trong tiếng Việt: 1) Là một loại hành động ngôn trung, nhằm mục

đích khiến Sp2 hoặc Sp1 làm chuyện gì đó hoặc không làm chuyện gì đó. 2) Lời nói với mục đích này là những phát ngôn cầu khiến.

- Khái niệm của hành động cầu khiến / phát ngôn cầu khiến

trong tiếng Hán: 1) Được hiểu là một hành động nói, Sp1 điều khiển Sp2 hoặc Sp1 thực hiện / không thực hiện một hành động nào đó. 2) Lời nói thể hiện ý nghĩa và đích ngôn trung này là phát ngôn cầu khiến.

1.2.3.2 Phát ngôn biểu hiện hành động cầu khiến trực tiếp

- Phát ngôn cầu khiến trực tiếp trong tiếng Việt: Là phát ngôn được nảy sinh trong cuộc thoại giao tiếp, có những phương thức biểu hiện hành động cầu khiến trực tiếp từ người nói đến người nghe.

- Phát ngôn cầu khiến trực tiếp trong tiếng Hán: Phát ngôn với chức năng để làm cho người nghe thực hiện hoặc không thực hiện một hành động nào đó, hoặc là để người nói và người nghe cùng thực hiện hoặc không thực hiện một hành động nào đó.

1.2.3.3 Phát ngôn biểu hiện hành động cầu khiến gián tiếp

- Phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt: Có hình thức hỏi, trần thuật, cảm thán, gồm phát ngôn quy ước có mô hình và phát ngôn phi quy ước phải dựa vào ngôn cảnh mới hiểu được ý nghĩa.

- Phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong tiếng Hán: Có phát ngôn với hình thức hỏi, trần thuật, cảm thán, gồm phát ngôn quy ước và phi quy ước.

1.2.4 Những lý thuyết liên quan đến hành động cầu khiến gián tiếp

1.2.4.1 Ngôn cảnh: Ngôn cảnh là nhân tố quan trọng khi chúng tôi nhận diện và nghiên cứu các kiểu phát ngôn.

- Các yếu tố về ngôn cảnh: Yếu tố khách quan như thời gian, địa điểm... Còn yếu tố chủ quan như vị thế xã hội, nghề nghiệp, tu

dưỡng cá nhân...

- **Ngôn cảnh tình huống:** Là thể giới xã hội và tâm lý mà trong đó, ở một thời điểm nhất định khi người ta sử dụng ngôn ngữ.

- **Ngôn cảnh văn hoá:** Hàng loạt nhân tố văn hoá như phong tục, tập quán, giá trị quan, chuẩn mực hành vi trong xã hội...

1.2.4.2 Giao tiếp giao văn hoá

- **Nghiên cứu ngữ dụng giao văn hoá:** Nghiên cứu ngữ dụng học và ngữ dụng xã hội học trong giao tiếp, ngữ dụng học trong hệ thống ngôn ngữ về việc thụ đắc ngôn ngữ thứ hai.

- **Nghiên cứu hành động ngôn từ giao văn hoá:** Nghiên cứu sự khác biệt về phương thức biểu hiện hành động ngôn từ trong các nền văn hoá khác nhau, thống kê tần số sử dụng cùng loại hành động ngôn từ...

1.2.5 Một số vấn đề cơ bản về đối chiếu ngôn ngữ

1.2.5.1. Khái niệm đối chiếu trong ngôn ngữ học: Việc so sánh, đối chiếu ít nhất hai ngôn ngữ, để xác định những điểm giống và khác nhau giữa các ngôn ngữ.

1.2.5.2. Các quy tắc, các bước phân tích, nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ

- **Các quy tắc nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ:** Đảm bảo hiện tượng ngôn ngữ được miêu tả đầy đủ, đảm bảo tính nhất quán, phương tiện đối chiếu phải thành hệ thống...

- **Các bước phân tích đối chiếu ngôn ngữ:** Miêu tả, xác lập nội dung đối chiếu, triển khai đối chiếu.

- **Những bình diện nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ:** Cấu trúc – ngữ nghĩa và chức năng – dụng học.

1.6 Tiểu kết: Những lý thuyết có liên quan đến đề tài, có thể giúp ích chúng tôi triển khai việc nghiên cứu càn khoa học hơn, hy

vọng phát hiện mới trong luận án này có thể giúp ích cho việc học ngôn ngữ thứ hai, dịch thuật và giảng dạy ngoại ngữ.

Chương 2. KHẢO SÁT PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN GIÁN TIẾP TIẾNG VIỆT

2.1 Hình thức của phát ngôn cầu khiến gián tiếp tiếng Việt: Hình thức hỏi, trần thuật, cảm thán trong nhóm quy ước và phi quy ước.

2.2 Ý nghĩa và mức độ cầu khiến của các loại hành động cầu khiến gián tiếp: Nhóm mức khiến cao, nhóm mức cầu khiến trung bình và nhóm mức cầu cao.

2.3 Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước trong tiếng Việt.

2.3.1 Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức hỏi

1) – Chị lại đi tắm bỏ rồi! *Tuần sau mình cũng ăn lẩu chứ?*

Xét từ cấu trúc – ngữ pháp, cốt trợ từ “**chứ**” đặt ở cuối câu hỏi, thì câu này dễ được người nghe thấu hiểu ý nghĩa trong phát ngôn là “Tuần sau mình cũng ăn lẩu”. Câu này biểu hiện hành động rủ rê, có tính áp đặt thấp.

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	81	32,40%
Mức cầu khiến trung bình	89	35,60%
Mức cầu cao	80	32,00%

2.3.2 Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức trần thuật

1) – *Mẹ muốn con chăm chỉ học bài.*

D1 = mẹ, là người nêu ra phát ngôn. **D2** = con, là người nghe. Trong phát ngôn, từ “**muốn**” dẫn ra nguyện vọng cụ thể của người nói – con (mình) chăm chỉ học bài, gợi ý người nghe thực hiện nguyện vọng của mình - chăm chỉ học bài. Phát ngôn này biểu hiện hành động khuyên nhủ, với mức cầu khiến trung bình. Phát ngôn thuộc

nhóm này biểu hiện các nhóm hành động cầu khiến với mức độ khác nhau như sau:

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	7	25,00%
Mức cầu khiến trung bình	6	21,43%
Mức cầu cao	15	53,57%

2.3.3 Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức cảm thán

1) – Ôi, đau em quá!

“**P + quá!**” vừa là người nói kêu đau đớn, vừa có ý xin người nghe kiểm tra vết thương giúp mình và xử lý cho. Phát ngôn này biểu hiện hành động nhờ vả từ người nói, không mang tính ép buộc. Phát ngôn thuộc nhóm này biểu hiện các nhóm hành động cầu khiến với mức độ khác nhau như sau:

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	7	38,89%
Mức cầu khiến trung bình	6	33,33%
Mức cầu cao	5	27,78%

2.4 Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước trong tiếng Việt

2.4.1 Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức hỏi

1) Điện thoại của ban chỉ huy hỏi dồn thêm...

– Alô! Alô! Pháo binh đã tới chưa? ... Đến đâu rồi?... Sao thế?...

Câu ví dụ được xảy ra trên chiến trường, tình hình chiến đấu đang có nhu cầu khẩn trương về pháo binh. Người nói thông qua hỏi về “bên người nghe đã phái pháo binh viện trợ chưa?” và “pháo binh đang lên viện trợ đến chỗ nào?” để thể hiện sự khẩn trương trên chiến trường, tiếp đó thực hiện hành động giục pháo binh nhanh đến. Phát ngôn thuộc nhóm này biểu hiện các nhóm hành động cầu khiến với mức độ khác nhau như sau:

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	18	64,28%
Mức cầu khiến trung bình	12	42,85%
Mức cầu cao	8	28,57%

2.4.2 Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức cảm thán

1) (Bà hát bài ca cho em bé.)

Mẹ: Bà hát hay lắm! *Hoan hô!*

Bà ngoại hát bài ca cho em bé nghe. Người nói (mẹ) muốn giáo dục người nghe (em bé) biết cảm ơn, biết tán dương người ta thì nên phát ngôn “**Hoan hô!**” bằng giọng điệu tràn đầy vui vẻ và phấn khởi, để người nghe bắt chước, hoặc vỗ tay cho bà ngoại. Lời cảm thán này thực ra là biểu hiện hành động mời của người nói, không ép buộc. Phát ngôn thuộc nhóm này biểu hiện các nhóm hành động cầu khiến với mức độ khác nhau như sau:

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	7	87,50%
Mức cầu khiến trung bình	0	0%
Mức cầu cao	1	12,50%

2.4.3 Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước có cả hình thức hỏi, trần thuật và cảm thán

1) Vừa xuống tới sà nà, tôi lại leo ngược trở lên, đứng cạnh nó:

-- Thấy chưa! *Rất dễ!*

Dựa vào ngôn cảnh, người nói huấn luyện người nghe (con chó) hoàn thành một động tác mới, để khuyến khích con chó, thì nêu ra sự đánh giá cao về cái động tác ấy – “**Rất dễ**”. Phát ngôn này biểu hiện sự khuyên nhủ.

2) – Đây là thuốc uống Can-xi của mẹ, con không uống được.

Người nói (mẹ) nhìn thấy người nghe (con gái) ra tay cầm lấy chai thuốc uống Can- xi của mẹ, sợ người nghe tò mò về thuốc uống và cứ uống thuốc. Cho nên chỉ ra “đây” là thuốc, để ngăn cấm hành động của người nghe.

3) Tôi can:

- Mua làm gì nhiều thế?
- Để hút dần.
- Tiền đâu mà có thế?

Khi người nói (vợ) biết được người nghe (chồng) lấy tiền trong nhà đi mua và hút nhiều thuốc phiện, thì bàn với người nghe, dùng phương thức hỏi biểu hiện chỉ trách và thể hiện sự thất vọng, để khuyên người nghe đừng làm thế. Phát ngôn thuộc nhóm này biểu hiện các nhóm hành động cầu khiến với mức độ khác nhau như sau:

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	137	38,38%
Mức cầu khiến trung bình	146	40,89%
Mức cầu cao	74	20,72%

Trong nhóm phát ngôn này, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng sau:

Hình thức câu	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Lời hỏi	23	6,82%
Lời trần thuật	220	65,28%
Lời cảm thán	94	27,89%

Tiểu kết: Phân chia phát ngôn nhóm quy ước và phi quy ước, chúng có hình thức hỏi, trần thuật, cảm thán. Phát ngôn hỏi – cầu khiến được sử dụng nhiều nhất, trường hợp với mức cầu khiến trung bình chiếm nhiều nhất. Phát ngôn trần thuật cầu khiến với mức cầu khiến trung bình chiếm nhiều nhất. Phát ngôn cảm thán – cầu khiến được

sử dụng ít nhất, tương hợp với mức khiến cao chiếm nhiều nhất, .

Chương 3: KHẢO SÁT PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN GIÁN TIẾP TIẾNG HÁN

3.1 Hình thức của phát ngôn cầu khiến gián tiếp tiếng Hán: Hình thức hỏi, trần thuật, cảm thán trong nhóm quy ước và phi quy ước.

3.2 Ý nghĩa và mức độ cầu khiến của các loại hành động cầu khiến gián tiếp: Nhóm mức khiến cao, nhóm mức cầu khiến trung bình và nhóm mức cầu cao.

3.3 Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước trong tiếng Hán

3.3.1 Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức hỏi

1) - 你是不是够年龄找个女朋友了?

- Có phải cháu đã đến tuổi tìm một bạn gái rồi?

Khi người nghe (cháu) nhận diện phát ngôn, theo tư duy ngôn ngữ thì dễ biết được, thông tin quan trọng trong phát ngôn này được đặt sau ở cấu trúc “**是不是**” – “**够年龄找个女朋友了(đã đến tuổi tìm một bạn gái rồi)**”, mà cấu trúc “**是不是**” ở đây chỉ là biểu hiện hành động giục một cách uyển chuyển thôi. Phát ngôn thuộc nhóm này biểu hiện các nhóm hành động cầu khiến với mức độ khác nhau như sau:

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	104	29,13%
Mức cầu khiến trung bình	92	25,77%
Mức cầu cao	161	45.10%

3.3.2 Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức trần thuật

1) - 你妈妈是希望你能当个称职的老师。

- 知道，我也一直在为之努力，所以愿意读博。

- Me cháu là hy vọng cháu có thể trở thành một giáo viên xứng đáng.

- Dạ, cháu biết, cháu cũng không ngừng phấn đấu vì ước mơ này, cho nên chịu học tiến sĩ.

Người nói nêu ra sự mong muốn từ mẹ của người nói qua dạng thức “**D3 希望 D2 + P**”, nhằm mục đích khuyên người nghe kiên trì học, đừng bỏ cơ hội học lên. Từ “**希望**” dẫn ra nội dung khuyên cụ thể, mang tính cổ vũ. Phát ngôn thuộc nhóm này biểu hiện các nhóm hành động cầu khiến với mức độ khác nhau như sau:

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	6	18,18%
Mức cầu cao	27	81,82%

3.3.3 Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức cảm thán

1) – 妈, 这条裙子好漂亮啊!

- 好, 你喜欢就买给你。

- Me ơi, **chiếc** váy này đẹp lắm!

- Được, con thích thì mua cho con.

“这条裙子好漂亮啊! (**Chiếc** váy này đẹp lắm!)” chứa cấu trúc “**好 + adj.!**”, với ngữ khí cảm thán. Từ “**好**” ở đây đặt trước tính từ “漂亮 (đẹp)”, chỉ mức độ đẹp của váy, biểu lộ sự thích thú của người nói, thể hiện mục đích cầu khiến được chứa ẩn trong lời – mong muốn người nghe mua váy này. Phát ngôn thuộc nhóm này biểu hiện các nhóm hành động cầu khiến với mức độ khác nhau như sau:

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	7	29,16%
Mức cầu khiến trung bình	14	58,33%
Mức cầu cao	3	12,50%

3.4 Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước trong tiếng Hán

3.4.1 Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức hỏi

1) 庆春说：“不是，有个朋友送了我两张今天晚上的芭蕾舞票，你有兴趣吗？”

- Có một người bạn tặng cho tôi hai tấm vé xem múa ballet tối nay.

Câu có muốn đi xem không?

Trong ngôn cảnh này, khi người nói (Khánh Xuân) nhận được hai tấm vé xem múa ballet, liền nghĩ đến người nghe ngay, hỏi người nghe “你有兴趣吗? (Câu có muốn đi xem không?)”, vừa có ý mời người nghe cùng xem buổi diễn múa ballet, vừa thể hiện sự tôn trọng của người nói. Phát ngôn thuộc nhóm này biểu hiện các nhóm hành động cầu khiến với mức độ khác nhau như sau:

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	11	26,82%
Mức cầu khiến trung bình	11	26,82%
Mức cầu cao	19	46,34%

3.4.2 Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức cảm thán

1) “两碗？”店里的伙计不相信地看着我。

“两碗!”我大声地重复。

“Hai bát à?” Phục vụ quán nhìn tôi khó tin.

“Hai bát!” Tôi lớn tiếng lặp lại.

Ở ngôn cảnh này, người nghe (phục vụ quán) thấy ngạc nhiên vì người nói (“tôi”) gọi hai bát mì cho chính mình. “两碗!”(Hai bát!)” ở đây vừa có nghĩa là chắc định thông tin với người nghe, vừa biểu hiện mục đích của người nói – dặn người nghe nấu hai bát mì cho mình. Phát ngôn thuộc nhóm này biểu hiện các nhóm hành động cầu khiến với mức độ khác nhau như sau:

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
------------------	----------	-------------

Mức khiến cao	1	16,67%
Mức cầu khiến trung bình	2	33,33%
Mức cầu cao	3	50,00%

3.4.3 Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước có cả hình thức hỏi, trần thuật và cảm thán

1) - 这个 (菜) 也蛮好吃的啊。什么都试一下嘛。

- Cái (rau) này cũng rất ngon. Món gì cũng phải ăn thử mà.

Khi ăn lẩu, người nói (mẹ) thấy người nghe (con gái) chỉ ăn mấy loại thức ăn, thì nêu sự đánh giá cao về một loại rau (rất ngon), muốn nhờ cách tán dương này để hấp dẫn được người nghe ăn thử rau. Phát ngôn biểu hiện hành động khuyên, còn thể hiện sự yêu thương.

2) - 如果放学没见到你马上回家, 两条腿都给你打断!

- Nếu tan học không thấy con về nhà ngay thì mẹ sẽ đánh gãy cả hai chân của con!

Dựa vào ngôn cảnh, người nghe (con) nghiện chơi game ở quán nét, vì vậy người nói (mẹ) nêu phát ngôn đe dọa với lực ngôn trung mạnh, để yêu cầu người nghe “tan học mà về nhà ngay”, kéo sẽ “bị mẹ đánh gãy cả hai chân của con”, với tính áp đặt cao, ngữ điệu mạnh. Phát ngôn thuộc nhóm này biểu hiện các nhóm hành động cầu khiến với mức độ khác nhau như sau:

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	139	36,46%
Mức cầu khiến trung bình	148	38,85%
Mức cầu cao	94	24,67%

Trong nhóm phát ngôn này, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng sau:

Hình thức câu	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
---------------	----------	-------------

Lời hỏi	42	11,02%
Lời trần thuật	230	60,34%
Lời cảm thán	119	31,23%

Tiểu kết: Phân chia phát ngôn nhóm quy ước và phi quy ước, chúng có hình thức hỏi, trần thuật, cảm thán. Phát ngôn hỏi – cầu khiến được sử dụng nhiều nhất, trường hợp với mức cầu cao chiếm nhiều nhất. Phát ngôn trần thuật cầu khiến với mức cầu khiến trung bình chiếm nhiều nhất. Phát ngôn cảm thán – cầu khiến được sử dụng ít nhất, trường hợp với mức khiến cao chiếm nhiều nhất, .

Chương 4. ĐỐI CHIẾU PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN GIÁN TIẾP TRONG TIẾNG VIỆT VỚI TIẾNG HÁN

4.1 Đối chiếu tình huống sử dụng thực tế về phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước và phi quy ước trong tiếng Việt với tiếng Hán.

Dựa vào dữ liệu chúng tôi xin làm hai bảng thống kê như sau:

Bảng 1:

Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước tiếng Việt (296 phiếu)			Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước tiếng Việt (402 phiếu)		
Hình thức câu	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Hình thức câu	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	250	84,45%	Hỏi	61	15,17%
Trần thuật	28	9,46%	Trần thuật	239	59,45%
Cảm thán	18	6,08%	Cảm thán	102	25,37%

Bảng 2

Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước tiếng Việt (414 phiếu)			Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước tiếng Hán (428 phiếu)		
Hình thức	Số	Chiếm tỷ	Hình thức	Số	Chiếm tỷ

câu	phiếu	lệ	câu	phiếu	lệ
Hỏi	357	86,23%	Hỏi	83	19,39%
Trần thuật	33	7,97%	Trần thuật	230	53,73%
Cảm thán	24	5,80%	Cảm thán	115	26,87%

Điểm giống nhau: 1) Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước được sử dụng nhiều hơn. 2) Phát ngôn hỏi – cầu khiến có quy ước được sử dụng nhiều nhất. 3) Phát ngôn trần thuật – cầu khiến phi quy ước được sử dụng nhiều nhất. **Điểm khác nhau:** 1) Phát ngôn hỏi – cầu khiến quy ước tiếng Hán có dạng thức nhiều hơn. 2) Trong tiếng Việt, phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước chiếm tỷ lệ cao hơn.

4.2 Đối chiếu ý nghĩa và mức độ cầu khiến của phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt với tiếng Hán. Dựa vào cứ liệu chúng tôi xin làm bảng thống kê như sau:

Hình thức phát ngôn	Mức độ cầu khiến	Số phiếu		Chiếm tỷ lệ	
		Tiếng Việt	Tiếng Hán	Tiếng Việt	Tiếng Hán
Hỏi – cầu khiến	Mức khiến cao	106	135	34,08%	30,68%
	Mức cầu khiến trung bình	112	118	36,01%	26,82%
	Mức cầu cao	93	187	29,90%	42,50%
Trần thuật – cầu khiến	Mức khiến cao	79	55	29,59%	20,91%
	Mức cầu khiến trung bình	118	114	44,19%	43,35%
	Mức cầu cao	70	94	26,22%	35,74%
Cảm	Mức khiến cao	67	74	55,83%	53,24%
	Mức cầu khiến	33	39	27,50%	28,06%

thán – câu khiến	trung bình				
	Mức câu cao	20	26	16,67%	18,70%

Điểm giống nhau: 1) Trường hợp với mức khiến cao tương đối ít. 2) Trong phát ngôn trần thuật – câu khiến, trường hợp với mức câu khiến trung bình nhiều hơn. 3) Đa số phát ngôn cảm thán – câu khiến với mức khiến cao. **Điểm khác nhau:** 1) Trường hợp với mức câu cao trong tiếng Hán nhiều hơn tiếng Việt. 2) Trường hợp với mức khiến cao trong tiếng Việt nhiều hơn, trường hợp với mức câu cao trong tiếng Hán nhiều hơn. 3) Tần số với mức câu cao trong tiếng Việt thấp hơn tiếng Hán.

4.3 Đối chiếu phát ngôn câu khiến gián tiếp nhóm quy ước của tiếng Việt với sự tương đương trong tiếng Hán

4.3.1 Đối chiếu phát ngôn câu khiến gián tiếp quy ước dạng thức hỏi trong tiếng Việt với tiếng Hán

Theo cứ liệu, có bảng thống kê sau:

	Mức độ câu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.3.1	Mức khiến cao	81	32,40%
	Mức câu khiến trung bình	89	35,60%
	Mức câu cao	80	32,00%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Mức khiến cao	84	28,86%
	Mức câu khiến trung bình	77	26,46%
	Mức câu cao	130	44,67%

Điểm giống nhau: 1) Mọi dạng thức ở tiếng Việt đều có sự tương đương trong tiếng Hán. 2) Tần số sử dụng nhóm phát ngôn này trong hai ngôn ngữ gần nhau. 3) Trường hợp không tính lược chủ ngữ, trong hai ngôn ngữ là bằng nhau (75%). **Điểm khác nhau:** 1) Trong tiếng Việt, trường hợp biểu hiện các nhóm câu khiến với số lượng

gần nhau. Nhưng ở tiếng Hán thì trường hợp với mức cầu cao nhiều hơn. 2) Trường hợp với mức khiến cao trong Tiếng Việt nhiều hơn, trường hợp với mức cầu cao trong tiếng Hán nhiều hơn. 3) Tần số phát ngôn với mức cầu cao trong tiếng Việt thấp tiếng Hán. 4) Cùng chung một ý nghĩa, dạng thức tiếng Hán đa dạng hơn. 5) Chiến lược thể hiện lịch sự. Dùng ta / mình (咱们/我们) làm chủ ngữ trong tiếng Việt (15,38%) ít hơn tiếng Hán (33,33%). Đặt sau từ xưng hô trong tiếng Việt (2 phiếu) nhiều hơn tiếng Hán (0 phiếu).

4.3.2 Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức trần thuật trong tiếng Việt với tiếng Hán. Theo cứ liệu, có bảng thống kê sau:

	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.3.2	Mức khiến cao	7	25,00%
	Mức cầu khiến trung bình	6	21,42%
	Mức cầu cao	15	53,57%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Mức khiến cao	0	0%
	Mức cầu khiến trung bình	3	13,63%
	Mức cầu cao	19	86,36%

Điểm giống nhau: 1) Mọi dạng thức đều ở tiếng Việt có sự tương đương trong tiếng Hán. 2) Giống về cấu trúc ngữ pháp – ngữ nghĩa và khả năng kết hợp từ. **Điểm khác nhau:** 1) Tần số sử dụng nhóm phát ngôn này trong tiếng Việt nhiều hơn (4,01% > 2,61%). 2) Trường hợp với mức khiến cao trong tiếng Việt nhiều hơn, với mức cầu khiến trung bình cũng nhiều hơn tiếng Hán, nhưng với mức cầu cao thì ít hơn tiếng Hán nhiều.

4.3.3 Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức cảm thán trong tiếng Việt với tiếng Hán

	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
--	------------------	----------	-------------

Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.3.3	Mức khiến cao	7	38,89%
	Mức cầu khiến trung bình	6	33,33%
	Mức cầu cao	5	27,78%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Mức khiến cao	2	50,00%
	Mức cầu khiến trung bình	0	0%
	Mức cầu cao	2	50,00%

Điểm giống nhau: 1) Đều là lời biểu cảm hoặc sự đánh giá, với giọng điệu mạnh. **Điểm khác nhau:** 1) Trường hợp với mức khiến cao trong tiếng Việt ít hơn tiếng Hán, trường hợp với mức cầu khiến trung bình trong tiếng Việt nhiều hơn, trường hợp với mức cầu cao trong tiếng Việt nhiều hơn tiếng Hán. 2) Về cấu trúc – ngữ pháp, từ “**lắm**”, “**quá**” đặt ở cuối câu, còn từ “**好**”, “**太**” đặt trước tính từ. 3) Tần số sử dụng trong tiếng Việt nhiều hơn tiếng Hán.

4.4 Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước trong tiếng Việt với tiếng Hán

4.4.1 Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức hỏi trong tiếng Việt với tiếng Hán

	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.1	Mức khiến cao	14	36,84%
	Mức cầu khiến trung bình	16	42,10%
	Mức cầu cao	8	21,05%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Mức khiến cao	11	26,83%
	Mức cầu khiến trung bình	11	26,83%
	Mức cầu cao	19	46,34%

Điểm giống nhau: 1) Mọi dạng thức ở tiếng Việt đều có sự tương đương trong tiếng Hán. 2) Tần số sử dụng nhóm phát ngôn này trong hai ngôn ngữ gần nhau (5,44% với 4,86%). 3) Trường hợp không tính

lược chủ ngữ: đều chiếm 75% trong hai ngôn ngữ.

Điểm khác nhau: 1) Trường hợp với mức khiến cao trong tiếng Việt nhiều hơn, với mức cầu khiến trung bình cũng nhiều hơn tiếng Hán, nhưng với mức cầu cao thì ít hơn tiếng Hán nhiều. 2) Trường hợp đặt từ xưng hô ở cuối câu: Trong tiếng Việt nhiều (2 phiếu) hơn tiếng Hán (0 phiếu).

4.4.2 Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức cảm thán với chức năng cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt với tiếng Hán

	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3	Mức khiến cao	7	87,50%
	Mức cầu khiến trung bình	0	0%
	Mức cầu cao	1	12,50%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Mức khiến cao	1	16,67%
	Mức cầu khiến trung bình	2	33,33%
	Mức cầu cao	3	50,00%

Điểm giống nhau: 1) Số lượng và tần số sử dụng phát ngôn trong hai ngôn ngữ gần nhau. **Điểm khác nhau:** 1) Trường hợp với mức khiến cao trong tiếng Việt nhiều hơn tiếng Hán, trường hợp với mức cầu khiến trung bình trong tiếng Việt ít hơn tiếng Hán, trường hợp với mức cầu cao trong tiếng Việt lại ít hơn tiếng Hán.

4.4.3 Đối chiếu phát ngôn cầu khiến phi quy ước có cả hình thức hỏi, trần thuật và cảm thán trong tiếng Việt với tiếng Hán

Dựa vào dữ liệu, chúng tôi xin làm bảng 1, bảng 2 như sau:

	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở	Mức khiến cao	137	38,37%
	Mức cầu khiến trung bình	146	40,89%

mục 2.4.3	Mức cầu cao	74	20,73%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Mức khiến cao	131	35,50%
	Mức cầu khiến trung bình	145	39,29%
	Mức cầu cao	93	25,20%

Bảng 2:

Phát ngôn tiếng Việt ở mục 4.4.2			Sự tương đương trong tiếng Hán		
Hình thức câu	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Hình thức câu	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	23	6,44%	Hỏi	42	11,38%
Trần thuật	240	67,22%	Trần thuật	224	60,70%
Cảm thán	94	26,33%	Cảm thán	103	27,91%

Điểm giống nhau: 1) Mọi dạng thức ở tiếng Việt đều có sự tương đương trong tiếng Hán. 2) PNCKGT biểu hiện các mức độ cầu khiến trong tiếng Việt và tiếng Hán với tỷ lệ như nhau. 3) Trường hợp với các hình thức hỏi, trần thuật, cảm thán trong hai ngôn ngữ với tỷ lệ như nhau. **Điểm khác nhau:** 1) Tần số sử dụng nhóm phát ngôn này trong tiếng Việt cao hơn tiếng Hán (51,14% > 43,82%). 2) Trường hợp sử dụng uyển ngữ, trong tiếng Việt (0 phiếu) ít hơn tiếng Hán tuyệt đối. 3) + Trong nhóm phát ngôn đe dọa, trường hợp sử dụng từ ngữ mắng mỏ như “tao – mày” trong tiếng Việt (6 phiếu, chiếm 18,18%) nhiều hơn trường hợp sử dụng từ “小杂种(nhóc)”, “他妈的 (mẹ nó)” trong tiếng Hán (4 phiếu, chiếm 11,11%). Trường hợp sử dụng thán từ ở đầu câu, tiếng Việt (0 phiếu) ít hơn tiếng Hán (1 phiếu). + Trong nhóm phát ngôn mắng mỏ, trường hợp sử dụng lời nói “Mày điên rồi?” trong tiếng Việt (1 phiếu, 2,44%) ít hơn tiếng Hán (2 phiếu, 4,76%). Trường hợp sử dụng từ ngữ mắng mỏ như “đồ +X” trong tiếng Việt (5 phiếu, 12,19%) nhiều hơn tiếng Hán (3 phiếu,

7,14%), nhưng từ ngữ mắng mỏ trong tiếng Hán đa dạng hơn. 4) Nhân tố ảnh hưởng đến sử dụng phương thức biểu hiện hành động cầu khiến. + Nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng cách biểu lộ cảm giác, tình trạng tâm lý để biểu hiện cầu khiến. Trong tiếng Việt, phát ngôn này được nêu ra bởi nam giới nhiều hơn nữ giới (55,56% > 44,44%). Trong tiếng Hán, phát ngôn này được nêu ra bởi nữ giới nhiều hơn (52,17% > 47,83%). + Nhân tố vị thế xã giao, trong tiếng Việt là người nói có vị thế xã hội thấp hơn vẫn chọn dùng phát ngôn mang mỏ nhiều hơn (19,51%). Nhưng ở tiếng Hán thì trái lại. 5) Khi chuyển dịch sang ngôn ngữ đích, có thể thay đổi hình thức câu, chỉ cần dịch đúng ý nghĩa bằng phương thức gián tiếp là được.

Tiểu kết: Đặc điểm chung: Cấu trúc - ngữ nghĩa và khả năng kết hợp từ của nhóm phát ngôn trần thuật – cầu khiến quy ước. 2) Phát ngôn trong nhóm cảm thán – cầu khiến đều là những phát ngôn biểu, với giọng điệu mạnh. Trong nhóm phát ngôn hỏi – cầu khiến phi quy ước, trường hợp không tính lược chủ ngữ đều chiếm 75% trong hai ngôn ngữ. **Điểm khác nhau:** Phát ngôn nhóm quy ước của tiếng Hán có dạng thức nhiều hơn tiếng Việt. Cách dụng từ ngữ biểu cảm trong hai ngôn ngữ. Thói quen sử dụng phát ngôn của người Việt và người Hán có khác nhau. Khi chuyển dịch phát ngôn cầu khiến phi quy ước, hình thức – cú pháp câu có thể có khác với ngôn ngữ nguồn.

KẾT LUẬN

Luận án “*Nghiên cứu PNCKGT trong tiếng Việt và đối chiếu với tiếng Hán*” đã miêu tả và phân loại các dạng thức PNCK trong tiếng Việt và tiếng Hán, và đối chiếu chúng để tìm ra điểm tương đồng và khác biệt của chúng. Luận án có những kết luận như sau:

1. Luận án tổng kết tình hình nghiên cứu PNCKGT ở phương

Tây, Việt Nam và Trung Quốc, rồi đưa ra những nhận xét về thành quả nghiên cứu đã công bố, tóm lược được những thành tựu và kết quả nghiên cứu về PNCKGT, nêu ra khái niệm về PNCKGT, những lý luận có liên quan như lý thuyết hành động ngôn từ gián tiếp, ngôn cảnh, phương pháp đối chiếu... Luận án sáng rõ chức năng của PNCKGT trong giao tiếp giao văn hoá.

2. Luận án khảo sát, phân loại và miêu tả PNCKGT trong tiếng Việt và tiếng Hán, phân chia chúng thành 2 lớp lớn: quy ước và phi quy ước được thể hiện qua 3 hình thức hỏi, trần thuật, cảm thán. Cụ thể như sau:

Nhóm PNCKGT tiếng Việt có quy ước có 15 tiểu loại. Trong đó, tiểu loại dùng dạng thức a) “Sao / sao lại / tại sao + không + p?”, b) “... làm gì / gì / cái gì?”, c) “có ... không?” là phổ biến nhất. Nhóm phi quy ước có 13 tiểu loại. Trong đó, có 3 tiểu loại 1) loại phát ngôn trình bày sự kiện hoặc tình huống khách quan về sự thật, b) biểu lộ tình trạng tâm lý/ cảm giác, c) nêu nguyện vọng hoặc ý kiến / kế hoạch của mình là phổ biến nhất.

Nhóm PNCKGT tiếng Hán có quy ước được phân chia thành 23 tiểu loại. Trong đó, 3 tiểu loại a) “.....好吗? / 好不好?” (... được không/ có được không?), b) “要不/要不然/要不要+P? (Hay là ...? / Có cần...không?)”, c) “能不能/可不可以 + P?”(có thể ... không?/...được không?) là phổ biến nhất. Nhóm phi quy ước có 13 tiểu loại. Trong đó, a) loại phát ngôn trình bày sự kiện hoặc tình huống khách quan về sự thật, b) biểu lộ tình trạng tâm lý/ cảm giác, c) nêu nguyện vọng hoặc ý kiến / kế hoạch của mình là phổ biến nhất.

3. Kết quả có được sau khi đối chiếu PNCKGT tiếng Việt với tiếng Hán:

Có năm điểm giống là: 1) Phát ngôn trong nhóm trần thuật –

cầu khiến quy ước của hai ngôn ngữ, cấu trúc ngữ pháp – ngữ nghĩa và khả năng kết hợp từ hoàn toàn giống nhau. 2) Trong nhóm phát ngôn hỏi – cầu khiến phi quy ước trường hợp không tinh lược chủ ngữ đều chiếm 75% trong hai ngôn ngữ. 3) Trong nhóm phát ngôn cảm thán – cầu khiến phi quy ước, số lượng và tần số sử dụng phát ngôn trong hai ngôn ngữ gần bằng nhau. 4) Trong nhóm phi quy ước, mọi dạng thức phát ngôn tiếng Việt đều có sự tương đương trong tiếng Hán. 5) Phát ngôn trong nhóm cảm thán – cầu khiến đều là những phát ngôn biểu cảm hoặc sự đánh giá, với giọng điệu mạnh.

Có chín điểm khác nhau là: 1) Trong nhóm quy ước, cùng chung một ý nghĩa, phát ngôn tiếng Hán có dạng thức đa dạng hơn. 2) Trong nhóm quy ước, Dùng ta / mình (咱们/我们) làm chủ ngữ trong tiếng Việt (15,38%) ít hơn tiếng Hán (33,33%). Trường hợp đặt sau từ xưng hô ở cuối câu trong tiếng Việt (2 phiếu) nhiều hơn tiếng Hán (0 phiếu). 3) Trong nhóm phi quy ước, trường hợp sử dụng uyển ngữ, trong tiếng Việt (0 phiếu) ít hơn tiếng Hán. 4) Trong nhóm phi quy ước, trường hợp sử dụng từ ngữ mắng mỏ như “tao – mày” trong tiếng Việt (6 phiếu, chiếm 18,18%) nhiều hơn trường hợp sử dụng các từ “小杂种(thằng)” trong tiếng Hán (4 phiếu, chiếm 11,11%). Trường hợp sử dụng thán từ ở đầu câu để thể hiện thái độ không vui, tiếng Việt (0 phiếu) ít hơn tiếng Hán (1 phiếu). Trường hợp sử dụng lời nói “Mày điên rồi?” trong tiếng Việt (1 phiếu, 2,44%) ít hơn tiếng Hán (2 phiếu, 4,76%). Trường hợp sử dụng từ ngữ mắng mỏ như “đồ +X ” trong tiếng Việt (5 phiếu, 12,19%) nhiều hơn tiếng Hán (3 phiếu, 7,14%), nhưng từ ngữ mắng mỏ trong tiếng Hán đa dạng hơn. 5) Các nhân tố ảnh hưởng đến cách sử dụng PNCKGT. Về nhận tội giới tính, biểu lộ cảm giác, tình trạng tâm lý để biểu hiện HĐCK có khác biệt. Trong tiếng Việt, phát ngôn này được nêu ra bởi nam giới nhiều hơn

nữ giới (55,56% > 44,44%). Trong tiếng Hán thì trái lại, phát ngôn này được nêu ra bởi nữ giới nhiều hơn (52,17% > 47,83%). Về nhân tố vị thế xã giao của người nói, trong tiếng Việt là người nói có vị thế xã hội thấp hơn vẫn chọn dùng phát ngôn mang ý nghĩa mỉa mai, phê bình nhiều hơn (19,51%). Nhưng ở tiếng Hán thì trái lại. 6) Khi chuyển dịch phát ngôn cầu khiến phi quy ước, hình thức câu có thể có thay đổi. 7) Trong nhóm phát ngôn hỏi – cầu khiến tiếng Việt, trường hợp với mức khiến cao nhiều hơn tiếng Hán. 8) Trong nhóm phát ngôn – trần thuật cầu khiến tiếng Việt, trường hợp với mức khiến cao và mức cầu khiến trung bình nhiều hơn tiếng Hán. 9) Về cấu trúc – ngữ pháp, từ “**lắm**”, “**quá**” đặt ở cuối câu cảm thán, còn từ “**好**”, “**太**” đặt trước tính từ.

4. Luận án đã nêu ra những lưu ý khi dịch PNCKGT:

Khi dịch PNCKGT quy ước, nên cố gắng để nguyên hình thức – cú pháp, chọn dùng phương pháp dịch thẳng, và dịch đúng ý nghĩa cầu khiến trong phát ngôn.

Đôi khi chuyển dịch những PNCKGT phi quy ước nên linh hoạt hơn, có thể kết hợp nhiều phương pháp dịch như dịch ý nghĩa, đặt thêm nội dung hoặc chuyển đổi hình thức câu, để dịch chuẩn đích ngôn trung trong phát ngôn cụ thể.

5. Luận án góp phần làm rõ lý luận của HĐCKGT và PNCKGT, giúp ích nhiều vào việc thực tiễn như giảng dạy ngoại ngữ, dịch thuật, có giá trị đối với việc nghiên cứu ngôn ngữ và tư duy, giao tiếp giao văn hoá. Trên cơ sở đó, nghiên cứu tương lai của tác giả sau khi hoàn thành luận án này có thể tiếp tục ở các vấn đề sau:

Nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ từ góc độ giao thoa văn hoá.

Nghiên cứu đối chiếu PNCKGT từ lý thuyết lịch sử.

**DANH MỤC CỘNG TRÌNH KHOA HỌC
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Hoàng Hiểu Long (2021), “Tìm hiểu chiến lược chuyển dịch phát ngôn cầu khiến gián tiếp tiếng Hán sang tiếng Việt từ góc nhìn dịch tương đương – lấy ví dụ từ bản dịch tiếng Việt của tiểu thuyết Mặc Ngôn <Ếch>”, *Tạp chí Học viện Hồng Hà* (5), tr. 28-32.

2. Hoàng Hiểu Long, Lư Cẩm Anh (2023), “Tìm hiểu sự bỏ sót khi chuyển dịch phát ngôn cầu khiến gián tiếp tiếng Hán từ góc nhìn dịch mục đích– lấy ví dụ từ bản dịch tiếng Việt của tiểu thuyết Mặc Ngôn <Ếch>”, *Tạp chí Khoa học và Giáo dục* (2), tr. 184-188.